

KẾT QUẢ VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THUẾ NĂM 2016 VÀO CỤC THUẾ KON TUM

(Kèm theo Thông báo số 3108 /TB-HĐTD ngày 05/9/2017 của Chủ tịch HĐTD công chức Tổng cục Thuế năm 2016)

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. Chuyên viên và Kiểm tra viên thuế																			
1	Nguyễn Thị Thanh	Ái				21	11	1990	56 Lê Lai, P Trường Chinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Đại Học Kinh tế Huế	Quản trị kinh doanh, Thương Mại		KTU00004		55.00	43.75	62.50		KTU00027
2	Lê Thị Vân	Anh				8	11	1993	Quỳnh Hậu, Quỳnh Lưu, Nghệ An	Đại Học Huế, trường Đại học Luật	Luật hình Sự		KTU00026		VT	VT	VT		KTU00003
3	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh				14	3	1993	TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	Đại Học Kinh tế - Đại học Huế	Kế toán kiểm toán		KTU00033		77.50	66.25	75.00		KTU00029
4	Bùi Thúy Quỳnh	Giang				11	10	1987	Xã Lạc Xương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	Đại Học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh	DTTS	KTU00208	20	70.00	60.00	70.00		KTU00016
5	Lê Hoài	Giang				24	5	1987	Xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	Đại Học Nha trang	Kế toán		KTU00209		75.00	31.25	72.50		KTU00028
6	Nguyễn Quang	Hiển	31	3	1992				Xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại Học Công Nghệ TP HCM	Kế toán kiểm toán		KTU00350		57.50	47.50	62.50		KTU00019
7	Giao Thị Hồng	Hiệp				9	9	1993	Nghĩa Hòa, Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Trường đại học Tài chính - Kế toán	Kế toán Doanh nghiệp		KTU00353		VT	VT	VT		KTU00005
8	Phạm Đức	Lợi	20	10	1986				Nhơn phong, An Nhơn, Bình Định	Đại Học Kinh tế TP HCM	Marketing		KTU00620		60.00	68.75	55.00		KTU00022
9	Trần Thị	Mơ				12	11	1987	Kiến Xương, Thái Bình	Trường đại học Kinh tế Đà Nẵng	Kế toán Doanh nghiệp		KTU00668		72.50	47.50	70.00		KTU00020
10	Trương Thị Như	Mỹ				8	12	1987	Hoài Nhơn, Bình Định	Đại Học Bình Dương	Kế toán		KTU00680		VT	VT	VT		KTU00026
11	Huỳnh Lê	Nam				25	12	1992	An Lương, Mỹ Chánh, Phù Mỹ, Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	Ngân hàng và KDTT		KTU00683		82.50	53.75	70.00		KTU00001
12	Nguyễn Thị Ngọc	Nương				25	4	1991	Xã Tam Thái, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam	Trường đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng	Kế toán		KTU00853		70.00	65.00	67.50		KTU00006
13	Phạm Ngọc	Quý	3	8	1992				Thôn phú Đa, xã Phú Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Đại Học Đà Nẵng phân hiệu tại Kon Tum	Ngân hàng		KTU00950		40.00	36.25	67.50		KTU00021
14	Nguyễn Đình	Sơn	10	9	1990				Xã Phúc Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Đại Học Đà Nẵng	Quản trị kinh doanh		KTU00990		VT	VT	VT		KTU00012
15	Hoàng Thị Thảo	Sương				24	10	1989	Vĩnh Trung, Vĩnh Linh, Quảng Trị	Đại Học Nha trang	Kế toán		KTU00996		VT	VT	VT		KTU00031
16	Trần Thị Bích	Tâm				23	3	1991	Phù Mỹ, Bình Định	Đại Học Tài chính Marketing	Tài chính - Ngân hàng		KTU01008		55.00	53.75	62.50		KTU00017
17	Nguyễn Văn	Tân	13	12	1994				Xã Cát Hanh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	Đại Học Quy Nhơn	kinh tế, Kế hoạch và Đầu tư		KTU01015		57.50	32.50	50.00		KTU00010
18	Trần Thị Thanh	Thanh				17	6	1991	Hòa Tiến, Hòa Vang, tp Đà Nẵng	Đại Học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		KTU01041		62.50	58.75	77.50		KTU00009
19	Ngô Thị	Thảo				16	6	1994	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đại Học Quy Nhơn	Tài chính công và Quản lý Thuế		KTU01067		VT	VT	VT		KTU00008
20	Ngô Thị Phương	Thảo				10	2	1989	An Khê - Gia Lai	Đại Học Quang Trung	Quản trị kinh doanh		KTU01068		50.00	35.00	45.00		KTU00030
21	Nguyễn Thị Thu	Thảo				24	2	1991	113 Nguyễn Huệ, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Đại Học Sài Gòn	Tài chính - Ngân hàng		KTU01085		30.00	37.50	52.50		KTU00014
22	Ngô Trần Ngọc	Trâm				4	1	1994	xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Trường Đại học Tài chính- Kế toán	Kế toán Nhà nước		KTU01267		80.00	35.00	72.50		KTU00032
23	Hoàng Thị Huyền	Trang				6	6	1990	Thạch Khối, Gia Lộc, Hải Dương	Đại Học Mỏ TP HCM	Tài chính - Ngân hàng		KTU01291		82.50	58.75	77.50		KTU00018
24	Nguyễn Thị	Trang				6	8	1988	Sa Thầy, Kon Tum	Đại Học Kinh tế TP HCM	Tài chính nhà nước		KTU01300		VT	VT	VT		KTU00025
25	Nguyễn Thị Thùy	Trang				6	10	1991	Kon Tum	Đại Học Kinh tế TP HCM	kinh tế		KTU01306		87.50	70.00	75.00		KTU00004
26	Trịnh Thị Huyền	Trình				17	9	1993	Bình Sa, Thăng Bình, Quảng Nam	Đại Học Công Nghệ TP HCM	Kế toán Doanh nghiệp		KTU01363		52.50	40.00	70.00		KTU00023

STT	Họ	Tên	Ngày, tháng năm sinh						Quê quán	Cơ sở đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Điểm ưu tiên	Điểm thi			Ghi chú	Mã hồ sơ
			Nam			Nữ									NVụ CN TN	Ngoại ngữ	Tin học		
			Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	Đỗ Tú	Uyên				17	10	1992	Xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Đại Học Luật TP. HCM	Luật thương mại		KTU01445		57.50	50.00	67.50		KTU00007
28	Nguyễn Thị Kiều	Uyển				2	11	1991	Đức Thạnh, Mộ Đức, Quảng Ngãi	Đại Học Đà Nẵng	Tài chính - Ngân hàng		KTU01464		VT	VT	VT		KTU00024
29	Trần Thị Bích	Vân				27	7	1990	Xã Đức Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	Đại Học Công Nghiệp TP HCM	Kế toán		KTU01477		52.50	50.00	72.50		KTU00013
30	Lê Quang	Vũ	17	3	1991				xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam	Đại Học Duy Tân	Kế toán Doanh nghiệp		KTU01518		VT	VT	VT		KTU00015
31	Đỗ Thị	Yến				15	9	1994	Quảng Văn, Quảng Xương, Thanh Hóa	Đại Học Mở TP HCM	Kế toán		KTU01563		45.00	38.75	55.00		KTU00011
II. Chuyên viên làm Công nghệ thông tin																			
III. Chuyên viên làm Văn thư lưu trữ																			
IV. Cán sự làm Công nghệ thông tin																			
V. Cán sự và Kiểm tra viên trung cấp thuế																			
VI. Cán sự làm Văn thư lưu trữ																			